

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: TIẾNG ANH 8 – TUẦN 5

Tiết 13,14,15. THEME 2: TRADITIONS
LESSON 4-5

1. Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Theme 2: Traditions
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	Tiết 13-14: Theme 2 Lesson 4 1. Đọc MUC Newwords/ trang 20 sách ISW8 - Điền từ thích hợp vào chỗ trống 2. Đọc MUC Useful language/ trang 20 sách ISW8 - Luyện tập các câu hỏi 3. Đọc MUC READING trang 21 sách ISW8 a. Đọc bài và điền từ vào chỗ trống. b. Đọc lại bài và chọn tựa đề cho đúng. Tiết 15: Theme 2 Lesson 5 - Đọc Mục “READING” trang 22 sách ISW8 - Đọc bài văn về người phụ nữ thế kỉ 19 ở Mỹ và chọn đáp án đúng điền từ vào đoạn văn.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	Bài tập trắc nghiệm học sinh làm online. 1. What did people _____ at the bride and groom? a. take b. throw c. wear d. carry 2. In the past, the bride usually _____ a blue dress on her wedding day. a. wore b. to wear c. wear d. wearing 3. In Sweden, what did people give to the bride as _____? a. a flower b. a gift c. a cake d. a kitten 4. Women had to _____ all the housework. a. doing b. does c. do d. did 5. The Sao Truc is made _____ bamboo. a. from b. in c. on d. of 6. A banjo is _____ with fingers. a. playing b. played c. play d. to play 7. The Sarangi is played _____ a bow. a. in b. on c. with d. of 8. A flute is made of metal, but some are made of _____. a. hitting b. bow c. metal d. bamboo 9. The Didgeridoo is a _____ instrument.

	a. wind	b. stringed	c. percussion	d. drum
	10. The Sao Truc traditionally has _____ holes.			
	a. six big	b. six large	c. six small	d. six huge

Bài ghi học sinh

Period 13 + 14

THEME 2 TRADITIONS

LESSON 4

I/ Newwords:

1.wind →windy	n (adj)	Gió Có gió
2.percussion	n	Bộ gõ
3. string →stringed	n (adj)	Sợi dây Có dây
4.hit	v	Đánh, đập
5.bow	n	Cây vĩ
6.metal	n	Kim loại
7.bamboo	n	Tre
8.blow	v	Thổi
9. musical instrument	n	Nhạc cụ
10.didgeridoo	n	Đàn ống (Úc)
11.wood	n	Gỗ
12.bagpipe	n	Kèn túi
13. Aboriginal	adj	Thổ dân
14. music →musical →musician	n. adj n	Âm nhạc Thuộc về âm nhạc Nhạc sĩ
15. culture →cultural	n (adj)	Văn hóa Thuộc về văn hóa
16. differ →different →difference	v. adj n	Làm khác biệt Khác nhau Sự khác nhau
17. drum	n	Cái Trống
18. flute	n	Cây sáo
19. hole	n	Cái lỗ
20. sheepskin	n	Da cừu

II/ Grammar:

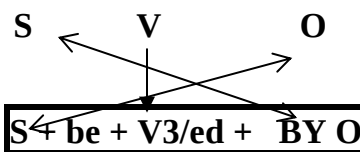
*PASSIVE VOICE: (câu bị động)

EX: My father cleans the room every day.
 S V O

→ The room is cleaned by my father every day.

+ FORM: (công thức)

Active (Câu chủ động):



Passive (Câu bị động):

+ NOTES:

- CÁC BƯỚC CHUYỂN SANG CÂU BỊ ĐỘNG:

1. Lấy túc từ (O) trong câu chủ động lên làm chủ ngữ (S) trong câu bị động.
2. Động từ **Be** được chia theo **thì** của động từ chính (V) trong câu chủ động, động từ BE phải hợp với chủ ngữ (S) của câu bị động và động từ chính thì chuyển về V-3/ED.
3. Chủ ngữ (S) trong câu chủ động chuyển xuống làm tân ngữ (O) trong câu bị động.
4. Viết phần còn lại xuống.

Tense (thì)	Active	Passive
Simple Present (hiện tại)	S + V/s/es + O	S + be + V3/ed + by + O
Simple Past (quá khứ)	S + V2/-ed + O	S + was/ were + V3/ed + by + O
Present Perfect (hiện tại hoàn thành)	S + has/ have + V3/ed + O	S + has/ have + been + V3/ed + by + O
Modal verbs (Động từ khuyết)	S + will/ can/ should/ must + V + O	S + will/ can/ must/ should + be + V3/ed + by + O

- NƠI CHỖN + BY + O + THỜI GIAN

EX: Lan arranges the books on the bookshelf every weekend.

→ The books are arranged on the bookshelf by Lan every weekend.

- Nếu S là I/you/ we/ they/ he/ she/ it/ people/ someone/ somebody/ noone/ nobody...
ta có thể bỏ “BY +O” trong câu bị động.

EX: He cleans the room every day.

→ The room is cleaned every day.

- Nếu S là “No one/ nobody” thì chuyển sang câu bị động phủ định.

EX: Nobody sees him leaving the room.

➔ He **isn't seen** leaving the room.

Period 15

THEME 2: TRADITIONS

LESSON 5

Grammar: REVIEW

1. The past simple tense
2. Had to / could/ couldn't + V.
3. Passive voice in the present simple tense.

THE END